

Bản án số: 466/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản;
Thực hiện nghĩa vụ tài sản do
người chết để lại; Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Danh Cư
2. Ông Đoàn Văn Rỹ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Phương

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 263/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản; Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thanh H1, sinh năm 1986; Địa chỉ: 57/1A Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 44/5 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn:

1/ Ông Trần Văn T, sinh năm 1959; Địa chỉ: 44/5 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1961; Địa chỉ: 44/5 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trẻ Trần Ngô Minh T2, sinh năm 2007; Trẻ Trần Ngô Minh K, sinh năm 2011; Trẻ Trần Ngô Minh Q, sinh năm 2016; Cùng địa chỉ: 57/1A Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật cho trẻ T2 , K và Q là bà Ngô Thanh H1, sinh năm 1986, Địa chỉ: 57/1A Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà Trần Thị T3, sinh năm 1967; Địa chỉ: 15/7 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Bà Lê Thị Thu V, sinh năm 1963; Địa chỉ: B5/2 Ấp 3 B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Ông Trương Văn N, sinh năm 1962; Địa chỉ: 15/7 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Ông Trần Văn P, sinh năm 1962; Địa chỉ: B5/2 Ấp 3 B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh .

- Người đại diện hợp pháp là bà Lê Thị Thu V, sinh năm 1963; Địa chỉ: B5/2 Ấp 3 B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy uỷ quyền số công chứng 002892, quyền số 07/2024TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 09/7/2024 tại Văn phòng công chứng Bình Hưng) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thanh H1 trình bày: Bà Ngô Thanh H1 và ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 01/12/2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 304 ngày 01/12/2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng Ông S và Bà H1 có 03 (ba) người con chung: Trần Ngô Minh T2, sinh ngày 23/11/2007; Trần Ngô Minh K, sinh ngày 24/10/2011 và Trần Ngô Minh Q, sinh ngày 19/02/2016.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S chết theo Giấy chứng tử số 138 ngày 11 tháng 7 năm 2022 do Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Ông S mất không để lại di chúc.

ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S là con của ông Trần Văn T, sinh năm 1959 và mẹ là bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1961; Cùng cư trú tại địa chỉ: 44/5 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh .

Bà Ngô Thanh H1 yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp thừa kế tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Những tài sản bà Ngô Thanh H1 và ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S tạo lập trong thời kỳ hôn nhân bao gồm:

- Căn nhà số: 57/1A Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CHO5717 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 13/8/2018 đối với, Thửa đất số 63; Tờ bản đồ số 39.

- Căn nhà số: 57/14 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CHO5421 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 29/9/2017 đối với thửa số: 91; Tờ bản đồ số 38.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN:CS06519 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 21/5/2019; Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4-4; Địa chỉ: Phường 5, Thành phố Tân An, tỉnh Long An; Diện tích 69,5 m², hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, đất ở tại đô thị, lâu dài.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS05735 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020; Thửa đất số 597, tờ bản đồ số 4; Địa chỉ: Xã A , thành phố T, tỉnh L; Diện tích: 32,3m²

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS05734 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020; Thửa đất số 1124, tờ bản đồ số 4; Địa chỉ: Xã A , thành phố T, tỉnh L; Diện tích:154.6m².

Trong quá trình chung sống vợ chồng bà Ngô Thanh H1 và ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S có nợ chung như sau:

- Ngày 22/12/2021, Ông S và Bà H1 có mượn tiền của Bà Trần Thị T3, sinh năm 1967; Địa chỉ: 15/7 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền mượn là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để trả tiền do trước đó mượn những người khác để mua đất ở Long An. Ông S và Bà H1 có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN:CS06519 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 21/5/2019; Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4-4; Địa chỉ: Phường 5, Thành phố Tân An, tỉnh Long An; Diện tích 69,5 m² , hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, đất ở tại đô thị, lâu dài, để làm tin.

- Bà Ngô Thanh H1 và ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S có mượn của Ngân Hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn (SCB)- Chi nhánh Chợ Lớn- Phòng giao dịch Quận 8. Tổng số tiền là: 757.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi bảy triệu đồng) có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CHO5421 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 29/9/2017 đối với thửa số: 91; Tờ bản đồ số 38; Diện tích: 28,3m². Địa chỉ: 57/14 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh . Căn cứ hợp đồng thỏa thuận vay trung dài hạn số: 191850040/TD-SCB-PGDQ8 ngày 05/07/2019. Căn cứ hợp đồng thỏa thuận vay trung dài hạn số: 200950027/TD-SCB-PGDQ8 ngày 07/04/2020. Trả lãi hàng tháng theo sao kê lịch trả nợ của Ngân Hàng SCB Quận 8. Đến ngày 11/07/2022 Ông S bệnh mất thì vẫn còn nợ lại của ngân hàng

SCB số tiền là: 424.220.269 (Bốn trăm hai mươi bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng).

Do ba mẹ chồng là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ H2 đề nghị lấy sổ để ra Công Chứng kê khai di sản thừa kế theo quy định. Nên ngày 08/11/2022. Bà H1 mượn tiền của bà Lê Thị Thu V với số tiền mượn là: 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) mục đích là Bà H1 trả cho ngân Hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn (SCB)- Chi nhánh Chợ Lớn- Phòng giao dịch Quận 8 là 424.220.269 đồng (Bốn trăm hai mươi bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng) và trả các chi phí khác là 25.779.731 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi đồng) để giải chấp căn nhà số: 57/14 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh mà vợ chồng Bà H1 và Ông S thế chấp của ngân hàng SCB trước khi Ông S mất. Bà Vân cho Bà H1 mượn số tiền với điều kiện Bà H1 phải đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CHO5421 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 29/9/2017 đối với thửa số: 91; Tờ bản đồ số 38 cho bà Vân giữ làm tin. Ngay sau khi lấy sổ từ ngân hàng SCB ra khi nào ra công chứng bà Vân sẽ đi cùng với Bà H1. Mục đích lấy sổ ra để đi Công chứng làm thừa kế di sản theo yêu cầu: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ H2 nhưng khi chuộc sổ ra thì không thỏa thuận được.

Như vậy, vợ chồng bà Ngô Thanh H1 ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S còn nợ tổng cộng là: 1.450.000.000đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S mất vào ngày 11/7/2022 chi phí phục vụ cho đám tang, mai táng là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Trong đó: Chi phí ma chay đám tang là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); Chi phí đất chôn tại Đa Phước là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Chi viện phí, thuốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) đã trừ bảo hiểm y tế; Ngoài ra trước lúc Ông S mất đã nhiều lần phải lọc máu và phải mua nhiều loại thuốc mà trong bệnh viện không có bán phải mua các nhà thuốc bên ngoài theo toa của bác sĩ nên không có hoá đơn chứng từ nên yêu cầu Toà án xem xét thêm các chi phí khác khoảng 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Bà H1 khẳng định hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Ông Trần Văn T, sinh năm 1959 (là ba ruột của Ông S); Bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1961 (là mẹ ruột của Ông S); Bà Ngô Thanh H1, sinh năm 1986 (Vợ Ông S); Trẻ Trần Ngô Minh T2, sinh năm 2007, trẻ Trần Ngô Minh K, sinh năm 2011 và trẻ Trần Ngô Minh Q, sinh năm 2016 (Là con ruột của Ông S) ngoài ra không còn ai khác.

Bà H1 thống nhất các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản trên và yêu cầu Toà án công nhận giá trị tài sản theo chứng thư và biên bản định giá bao gồm: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản đang tranh chấp gồm: Tài sản là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại địa chỉ: 57/1A Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà, đất

địa chỉ số: 57/14 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh ; Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4-4; Địa chỉ: Phường 5, Thành phố Tân An, tỉnh Long An; Diện tích 69,5 m² , hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, đất ở tại đô thị, lâu dài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN:CS06519 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 21/5/2019; Thửa đất số 597, tờ bản đồ số 4; Địa chỉ: Xã A , thành phố T, tỉnh L; Diện tích: 32,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS05735 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020. Thửa đất số 1124, tờ bản đồ số 4; Địa chỉ: Xã A , thành phố T, tỉnh L; Diện tích: 154.6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS05734 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020.

- Chứng thư thẩm định giá số 03.HCM.240624.B.KHCN/CT-VFI đối với tài sản căn nhà số: 57/14 Bông Sao, Phường 5, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CHO5421 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 29/9/2017 đối với thửa số: 91; Tờ bản đồ số 38 có diện tích 28,3m² có được định giá là 871.640.000 đồng (Tám trăm bảy mươi một triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Chứng thư thẩm định giá số 03.HCM.240624.A.KHCN/CT-VFI đối với tài sản là căn nhà số: 57/1A Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN:CHO5717 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 13/8/2018 đối với thửa đất số 63; Tờ bản đồ số 39, diện tích 13m² được định giá là 476.684.274 đồng (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

- Biên bản định giá tài sản bảo đảm 1431.11072024/BBĐG ngày 11/7/2024 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Long an đối với tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN:CS06519 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 21/5/2019; Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4-4; Địa chỉ: Phường 5, Thành phố Tân An, tỉnh Long An, diện tích 69.5 m², hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, đất ở tại đô thị, lâu dài được định giá 311.360.000 đồng (Ba trăm mười một triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS05735 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020; Thửa đất số 597, tờ bản đồ số 4; Địa chỉ: Xã A , thành phố T, tỉnh L; Diện tích: 32,3m² được định giá 19.703.000 đồng (Mười chín triệu bảy trăm lẻ ba ngàn đồng); Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS05734 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020; Thửa đất số 1124, tờ bản đồ số 4; Địa chỉ: Xã A , thành phố T, tỉnh L; Diện tích: 154.6m² có giá trị 94.306.000 đồng (Chín mươi bốn triệu ba trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản trên là 1.797.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Bà Ngô Thanh H1 yêu cầu Toà án nhân dân Quận 8 giải quyết:

Tranh chấp chia thừa kế đối với di sản của ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S cho Bà H1. Cụ thể tổng tài sản vợ chồng tạm tính là 1.797.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng). Bà H1 yêu cầu chia cho Bà H1 theo pháp luật sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Bà H1 đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản do Ông S để lại cho các đồng thừa kế, Bà H1 yêu cầu được nhận hiện vật và sẽ hoàn lại giá trị theo kết quả thẩm định giá cho các đồng thừa kế.

Tuy nhiên quá trình Toà án giải quyết bà Ngô Thanh H1 xác định đã mượn của bạn bè, người thân để thanh toán cho bà Trần Thị T3 và bà Lê Thị Thu V.

Cụ thể, vào ngày 29/8/2024 bà Ngô Thanh H1 đã trả cho bà Trần Thị T3 số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và Bà H1 đã nhận lại các giấy tờ bản chính đã thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN:CS06519 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 21/5/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS05735 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS05734 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020. Ngày 29/8/2024. Bà H1 tự nguyện chịu đối với số nợ này không yêu cầu trừ vào nợ chung của hai vợ chồng.

Ngày 29/8/2024 bà Ngô Thanh H1 đã trả cho bà Lê Thị Thu V số tiền là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Bà Ngô Thanh H1 không yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải hoàn trả chi phí tố tụng (Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá tài sản) mà Bà H1 là người yêu cầu đã đóng tạm ứng.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thanh trình bày: Vào ngày 22/12/2021 vợ chồng tôi là Trương Văn N và Trần Thị T3 có cho vợ chồng cháu ruột là Ngô Thanh H1 và Trần Nguyễn Hoàng Minh Sang vay số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) có lập giấy tay nhưng trên giấy tay chỉ ghi tên

của Bà H1 và bà Thanh không ghi tên thêm tên của ai khác. Hàng tháng trả tiền lãi là 3.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba triệu đồng) không có thời hạn trả. Số tiền mà vợ chồng bà Thanh cho Hiền mượn để mua đất ở địa chỉ: Phường 5, Thành phố Tân An, tỉnh Long An; Diện tích 69,5 m², hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, đất ở tại đô thị, lâu dài. Bà Thanh xác định đây là tài sản chung của hai vợ chồng bà Thanh và ông Trương Văn N. Bà Thanh hiện giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN:CS06519 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 21/5/2019; Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4-4. Kể từ lúc Ông S mất, vợ chồng bà Thanh và ông Ngọc không lấy tiền lãi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) của Hiền cho đến nay. Bà Thanh có nộp đơn yêu cầu khởi kiện độc lập vào ngày 02/7/2024 yêu cầu bà Ngô Thanh H1 thanh toán tiền vay của vợ chồng bà Thanh vì bà Thanh khó khăn kinh tế và khoản tiền này đã cho mượn quá lâu, nay gia đình bà Thanh cần lấy tiền để giải quyết việc gia đình cho Bà H1 thời gian 01 (Một) tháng để thu xếp trả cho vợ chồng bà Thanh. Nay bà Thanh yêu cầu phía bà Ngô Thanh H1 phải trả cho vợ chồng bà Thanh số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Sau khi vợ chồng bà Thanh nhận đủ số tiền trên sẽ trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN:CS06519 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 21/5/2019 đã bảo đảm thế chấp. Bà Thanh thống nhất các biên bản và kết quả định giá tài sản trên và yêu cầu Toà án công nhận giá trị tài sản theo chứng thư và biên bản định giá trên để giải quyết vụ án.

Ngày 29/8/2024, bà Trần Thị T3 và ông Trương Văn N đã nhận đủ số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) từ Bà H1 và có làm giấy tay giao nhận tiền. Bà Thanh đã trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN:CS06519 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 21/5/2019. Ngày 29/8/2024 bà Trần Thị T3 nộp đơn xin rút đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2024.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn N trình bày: Ông Ngọc thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện độc lập của Bà H1. Ngày 29/8/2024 bà Trần Thị T3 nộp đơn xin rút đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2024 ông Ngọc thống nhất ý kiến của bà Thanh và không có ý kiến gì thêm.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Thu V trình bày: Vào tháng 11 năm 2022, bà Vân có cho bà Ngô Thanh H1 mượn số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) để Bà H1 giải chấp ngân hàng TMCP Sài Gòn- Chi nhánh Chợ Lớn- PGD Quận 8. Do trước đây vợ chồng Bà H1 và ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S đã vay của ngân hàng TMCP Sài Gòn- Chi nhánh Chợ Lớn- PGD Quận 8.

Do mẹ chồng của Hiền là bà Nguyễn Thị Lệ H2 nói miệng là số tiền vay tại của ngân hàng TMCP Sài Gòn đã đến thời gian đáo hạn nên cần tiền gấp và bà Hoa đồng ý việc Bà H1 vay tiền của tôi để giải chấp Ngân hàng để nhận bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN.CHO 5421 do UBND Q8 cấp ngày 29.9.2017. Sau đó bà Nguyễn Thị Lệ H2, ông Trần Văn T (là ba chồng của Hiền) ra công chứng làm hợp đồng tặng cho nhà tại địa chỉ 57/14 Bông Sao, Phường 05, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy chủ quyền đang thế chấp tại Ngân hàng). Bà Ngô Thanh H1 đứng tên 01 mình vay lại ngân hàng rồi trả cho tôi. Do tin tưởng nên bà Vân đồng ý đến ngân hàng TMCP Sài Gòn- Chi nhánh Chợ Lớn- PGD Quận 8 cùng với Bà H1, đóng tiền và giải chấp. Nhưng phía bà Hoa và ông Tư đổi ý, không làm thủ tục tặng cho nhà, đất cho Bà H1 (phần bà Hoa và ông Tư được hưởng thừa kế do Ông S là con của bà Hoa và ông Tư chết để lại tài sản). Ngay sau khi bà Vân nạp tiền vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Chi nhánh Chợ Lớn- PGD Quận 8 (cho Bà H1 mượn) số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Ngân hàng giải chấp khoản vay trên và trả cho Bà H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sổ vào sổ cấp GCN.CHO 5421 do UBND Q8 cấp ngày 29.9.2017 đối với thửa 91 tờ bản đồ số 38 thuộc nhà đất tại địa chỉ số 57/14 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh . Do bà Hoa và ông Tư có thay đổi ý kiến nên bà Vân giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sổ vào sổ cấp GCN.CHO 5421 do UBND Q8 cấp ngày 29.9.2017 đối với thửa 91 tờ bản đồ số 38 thuộc nhà đất tại địa chỉ số 57/14 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh . Ngày 28/11/2022 bà Vân giữ bản chính giấy chủ quyền căn nhà số: 57/1A Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sổ vào sổ cấp GCN: CHO5717 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 13/8/2018 đối với, Thửa đất số 63; Tờ bản đồ số 39. Hiện tại tôi giữ 02 bản chính đối với: Căn nhà số: 57/1A Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sổ vào sổ cấp GCN: CHO5717 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 13/8/2018 đối với thửa đất số 63; Tờ bản đồ số 39. Căn nhà số: 57/14 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sổ vào sổ cấp GCN: CHO5421 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 29/9/2017 đối với thửa số: 91; Tờ bản đồ số 38. Ngày 21/6/2024 bà Lê Thị Thu V nộp đơn yêu cầu khởi kiện độc lập đề ngày 21/6/2024 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thanh H1 phải trả cho bà Vân số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi bà Vân nhận đủ số tiền trên sẽ trả bản chính giấy chủ quyền nhà đã bảo đảm thế chấp. Bà Vân yêu cầu phía Bà H1 phải trả cho bà Vân số tiền đã mượn là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Bà Vân cần tiền gấp để lo gia đình. Bà Vân thông nhất các biên bản và kết quả định giá tài sản trên và yêu cầu Tòa án công nhận giá trị tài sản theo chứng thư và biên bản định giá trên để giải quyết vụ án. Ngày 29/8/2024 bà Ngô Thanh H1 đã trả số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng)

cho bà Vân và bà Vân làm đơn xin rút đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2024 và nộp tại Toà ngày 29/8/2024. Bà Vân không có yêu cầu gì thêm.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn P có người đại diện theo uỷ quyền là bà Lê Thị Thu V trình bày: Ông Trần Văn P và bà Lê Thị Thu V là vợ chồng hợp pháp, số tiền mà bà Vân cho phía bà Ngô Thanh H1 mượn là tài sản chung của hai vợ chồng. Ông Phương không có ý kiến gì thêm và yêu cầu sớm đưa vụ án ra xét xử. Bà Vân thống nhất các biên bản và kết quả định giá tài sản trên và yêu cầu Toà án công nhận giá trị tài sản theo chứng thư và biên bản định giá trên để giải quyết vụ án. Phía ông Phương và bà Vân thống nhất không yêu cầu gì thêm vì đã nhận lại đủ số tiền mà Bà H1 đã mượn.

Bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ H2 đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Nguyên đơn, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn tham gia tố tụng tại tòa án thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

+ Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vân, ông Phương và bà Thanh, ông Ngọc đã có đơn rút yêu cầu độc lập, nên đình chỉ đối với yêu cầu độc lập trên theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Thanh H1 không yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải hoàn trả chi phí tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thanh H1 bao gồm: Tranh chấp chia thừa kế đối với di sản của ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S cho Bà H1. Cụ thể tổng tài sản vợ chồng tạm tính là 1.797.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng). Bà H1 yêu cầu chia cho Bà H1 theo pháp luật sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Bà H1 đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản do Ông S để lại cho các đồng thừa kế, Bà H1 yêu cầu được nhận hiện vật và sẽ hoàn lại giá trị theo kết quả thẩm định giá cho các đồng thừa kế. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về thừa kế tài sản; Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”. Yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Lê Thị Thu V và bà Trần Thị T3 thì đây là vụ án dân sự về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ H2 hiện cư trú tại Quận 8 và bất động sản tọa lạc tại Quận 8 nên căn cứ theo qui định tại khoản 3, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét nguyên đơn bà Ngô Thanh H1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Trần Thị T3, bà Lê Thị Thu V, ông Trương Văn N, ông Trần Văn P có người đại diện hợp pháp là bà Lê Thị Thu V, bà Ngô Thanh H1 là người đại diện hợp pháp của trẻ Trần Ngô Minh T2, sinh năm 2007, trẻ Trần Ngô Minh K, sinh năm 2011 và trẻ Trần Ngô Minh Q, sinh năm 2016 có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Căn cứ vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2024, ngày 18/7/2024 và ngày 16/8/2024; Kết quả xác minh của Công an Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thì căn nhà 57/1A Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 04 người đang cư trú là bà Ngô Thanh H1, trẻ Trần Ngô Minh T2, sinh năm 2007, trẻ Trần Ngô Minh K, sinh năm 2011 và trẻ Trần Ngô Minh Q, sinh năm 2016 đang cư trú. Căn nhà nhà 57/14 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai thực tế cư trú. Công an Xã A, thành phố T, tỉnh L xác nhận tại thửa đất số 597 tờ bản đồ số 4 và thửa đất số 1124 tờ bản đồ số 4 có địa chỉ số 40 Đường Đ, Ấp H, Xã A, thành phố T, tỉnh L hiện tại không có ai cư trú tại thửa đất và địa chỉ nói trên nên Hội đồng xét xử xét thấy

những người tham gia tố tụng trong vụ án này đã đầy đủ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Nguyên đơn yêu cầu tranh chấp thừa kế đối với di sản của ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S cho bà Ngô Thanh H1. Cụ thể tổng tài sản vợ chồng là 1.797.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng), Bà H1 yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật và thực hiện nghĩa vụ trả nợ do người chết để lại.

Bà Ngô Thanh H1 khẳng định ngày 11 tháng 7 năm 2022, ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S chết (theo Giấy chứng tử số 138 ngày 11 tháng 7 năm 2022 do Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp), Ông S chết không để lại di chúc nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn về chia thừa kế theo pháp luật theo quy định tại Điều 649, Điều 650 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngày 11/7/2022 ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S chết theo Giấy chứng tử số 138 do Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp do đó thời điểm mở thừa kế là ngày 11/7/2022 theo Điều 611 của Bộ luật dân sự năm 2015

ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S chết ngày 11/7/2022 thì thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn còn theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người thừa kế trong vụ án này: Bà Ngô Thanh H1 và ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 01/12/2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 304 ngày 01/12/2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng Ông S và Bà H1 có 03 (ba) người con chung: Trần Ngô Minh T2, sinh ngày 23/11/2007; Trần Ngô Minh K, sinh ngày 24/10/2011 và Trần Ngô Minh Q, sinh ngày 19/02/2016. ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S là con của ông Trần Văn T, sinh năm 1959 và mẹ là bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1961; Cùng cư trú tại địa chỉ: 44/5 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh . Bà Ngô Thanh H1 khẳng định hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Ông Trần Văn T, sinh năm 1959 (là ba ruột của Ông S); Bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1961 (là mẹ ruột của Ông S); Bà Ngô Thanh H1, sinh năm 1986 (Vợ Ông S); Trẻ Trần Ngô Minh T2, sinh năm 2007, trẻ Trần Ngô Minh K, sinh năm 2011 và trẻ Trần Ngô Minh Q, sinh năm 2016 (Là con ruột của Ông S) ngoài ra không còn ai khác.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về tài sản chung của bà Ngô Thanh H1 và ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S: Bà H1 và Ông S chung sống với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 01/12/2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 304. Trong thời kỳ hôn nhân Bà H1 và Ông S tạo lập khối tài sản với tổng trị giá ngày 28/6/2024 và Biên bản định giá tài sản bảo đảm số 1431.11072024/BBĐG ngày 11/7/2024 là 1.797.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng) theo chứng thư thẩm định giá và bao gồm: Căn nhà số: 57/14 Bông Sao, Phường 5, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH05421 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 29/9/2017 đối với thửa số: 91; Tờ bản đồ số 38 có diện tích 28,3m² có được định giá là 871.640.000 đồng (Tám trăm bảy mươi một triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng). Căn nhà số: 57/1A Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN:CH05717 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 13/8/2018 đối với thửa đất số 63; Tờ bản đồ số 39, diện tích 13m² được định giá là 476.684.274 đồng (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm bảy mươi bốn đồng). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN:C8 đổi 19 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 21/5/2019; Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4-4; Địa chỉ: Phường 5, Thành phố Tân An, tỉnh Long An, diện tích 69,50 m², hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, đất ở tại đô thị, lâu dài được định giá 311.360.000 đồng (Ba trăm mười một triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: C805735 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020; Thửa đất số 597, tờ bản đồ số 4; Địa chỉ: Xã A , thành phố T, tỉnh L; Diện tích: 32,3m² được định giá 19.703.000 đồng (Mười chín triệu bảy trăm lẻ ba ngàn đồng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS05734 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020; Thửa đất số 1124, tờ bản đồ số 4; Địa chỉ: Xã A , thành phố T, tỉnh L; Diện tích: 154.6m² có giá trị 94.306.000 đồng (Chín mươi bốn triệu ba trăm lẻ sáu ngàn đồng).

Bà Ngô Thanh H1 khẳng định đây là tài sản mà Bà H1 và ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản chung của bà Ngô Thanh H1 và ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S có tổng trị giá là 1.797.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 33, Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 612 của bộ luật dân sự năm 2015.

- Về nợ chung của bà Ngô Thanh H1 và ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S: Bà H1 trình khẳng định trong quá trình chung sống vợ chồng Ông S và Bà H1 có nợ khoản chung như sau:

+ Khoản tiền vay của vợ chồng Bà H1 với Ngân Hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn (SCB)- Chi nhánh Chợ Lớn- Phòng giao dịch Quận 8 theo Hợp đồng thỏa thuận vay trung dài hạn số: 191850040/TD-SCB-PGDQ8 ngày 05/07/2019; Hợp đồng thỏa thuận vay trung dài hạn số: 200950027/TD-SCB-PGDQ8 ngày 07/04/2020. Tổng số tiền là: 757.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi bảy triệu đồng). Đến ngày 11/07/2022 Bà H1 thì vẫn còn nợ lại của Ngân Hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn (SCB)- Chi nhánh Chợ Lớn- Phòng giao dịch Quận 8 số tiền là: 424.220.269 đồng (Bốn trăm hai mươi bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng). Sau khi Ông S chết thì ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lê H2 đề nghị lấy sổ thế chấp vay ngân Hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn (SCB)- Chi nhánh Chợ Lớn- Phòng giao dịch Quận 8 ra để Công Chứng chia di sản thừa kế theo quy định. Do Bà H1 không có tiền để trả số nợ còn lại của khoản vay trên, nên ngày 08/11/2022 Bà H1 có mượn tiền của Bà Lê Thị Thu V với số tiền mượn là: 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) trả cho Ngân Hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn (SCB)- Chi nhánh Chợ Lớn- Phòng giao dịch Quận 8 lấy sổ căn nhà số: 57/14 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh . Nhưng sau khi lấy sổ ra thì lại không thỏa thuận được với ba mẹ Ông S về việc chia tài sản thừa kế nên Bà H1 khởi kiện ra Tòa.

Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận số tiền bà Ngô Thanh H1 vay tiền bà Lê Thị Thu V 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) để trả nợ cho khoản nợ chung đối với Ngân Hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn (SCB) - Chi nhánh Chợ Lớn- Phòng giao dịch Quận 8 được tính là khoản nợ chung của bà Ngô Thanh H1 và ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S. Đây là sự việc có thật phù hợp với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại trước khi chia di sản thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất và xác định giá trị tài sản chung sau khi trừ cho khoản tiền nợ chung của Bà H1 và Ông S là: 1.797.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng) - 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) = 1.347.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu đồng). Trong đó trị giá tài sản của bà Ngô Thanh H1 được nhận là 673.500.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng); trị giá tài sản là di sản thừa kế của ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S là 673.500.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1, khoản 2 Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015

Về các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế được thanh toán như sau: ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S mất vào ngày 11/7/2022 chi phí phục vụ cho đám tang, mai táng là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Trong đó: Chi phí ma chay, thầy cúng tại đám tang là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); Chi phí đất chôn tại Đa Phước là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Chi viện phí, thuốc 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) đã trừ bảo hiểm y tế; Ngoài ra trước lúc Ông S mất đã nhiều lần phải lọc máu và phải mua nhiều loại thuốc mà trong bệnh viện không có bán phải mua các nhà thuốc bên ngoài theo toa của bác sĩ nên không có hoá đơn chứng từ và tiền công lao động của Bà H1 trong thời gian Ông S nhập viện và chi phí đi lại trong thời gian Ông S nhập viện và xuất viện nên yêu cầu Tòa án xem xét thêm các chi phí khác khoảng 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Tổng chi phí thực hiện nghĩa vụ sau khi ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S chết là: 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng). Đây là các chi phí hợp lý theo tập quán cho việc mai táng, chi phí chữa bệnh và các chi phí hợp lý khác phát sinh và các chi phí khác theo quy định tại khoản 1 Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về di sản của ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S là 673.500.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng). Di sản thừa kế của Ông S là di sản trừ tổng chi phí thực hiện nghĩa vụ sau khi ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S chết là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng). Như vậy, di sản thừa kế của ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S là 63.500.000 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Người thừa kế di sản của ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S bao gồm: Bà Ngô Thanh H1; Trẻ Trần Ngô Minh T2, sinh ngày 23/11/2007; Trẻ Trần Ngô Minh K, sinh ngày 24/10/2011; Trẻ Trần Ngô Minh Q, sinh ngày 19/02/2016; Ông Trần Văn T, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1961 theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xem xét và chia cho hàng thừa kế thứ nhất được hưởng gồm 06 người (Bà H1, cháu Thanh, cháu Khôi, cháu Quân và ông Tư, bà Hoa). Cụ thể như sau: 63.500.000 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) chia cho 06 người thì mỗi người được hưởng số tiền là 10.583.333 đồng (Mười triệu năm trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Do đó mỗi người sẽ được hưởng 1 kỹ phần thừa kế là 10.583.333 đồng (Mười triệu năm trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) là đúng quy định tại Điều 612, Điều 613, khoản 1, khoản 2 Điều 615; điểm a, khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Ngô Thanh H1 đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản do ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S để lại cho các đồng thừa kế, Bà H1 yêu cầu được nhận hiện vật và sẽ hoàn lại giá trị theo kết quả thẩm định giá cho các đồng thừa kế là phù hợp thực tế và có cơ sở theo khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bà Ngô Thanh H1 được hưởng bao gồm: Giá trị tài sản chung của vợ chồng là 673.500.000 đồng và hưởng di sản thừa kế của Ông S là 10.583.333 đồng; Tổng số tiền Bà H1 được hưởng là 684.083.333 đồng (Sáu trăm tám mươi bốn triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Bà Ngô Thanh H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lê H2 mỗi người được hưởng số tiền là 10.583.333 đồng (Mười triệu năm trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Đối với trẻ Trần Ngô Minh T2, sinh ngày 23/11/2007; Trẻ Trần Ngô Minh K, sinh ngày 24/10/2011 và trẻ Trần Ngô Minh Q, sinh ngày 19/02/2016 người giám hộ đương nhiên của người chưa thành niên là mẹ ruột của các trẻ, là bà Ngô Thanh H1 nên Bà H1 sẽ quản lý tài sản của các trẻ Thanh, Khôi, Quân theo quy định tại Điều 46, Điều 47, Điều 52, Điều 59 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình Tòa án giải quyết bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lê H2 được tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có ý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án đến Tòa. Như vậy các bị đơn đã từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ chứng minh, tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử giải quyết trên cơ sở chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.2]. Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu V: Ngày 21/6/2024 bà Lê Thị Thu V nộp đơn yêu cầu khởi kiện độc lập đề ngày 21/6/2024 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thanh H1 phải trả cho bà Vân số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi bà Vân nhận đủ số tiền trên sẽ trả bản chính giấy chủ quyền nhà đã bảo đảm thế chấp. Bà Vân yêu cầu phía Bà H1 phải trả cho bà Vân số tiền đã mượn là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 29/8/2024 bà Lê Thị Thu V làm đơn xin rút đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2024 và nộp tại Toà ngày 29/8/2024. Bà Vân không có yêu cầu gì thêm.

Xét thấy, việc sửa đổi, bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên có cơ sở đề Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là buộc bà Ngô Thanh H1 phải trả cho bà Lê Thị Thu V số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

[2.3]. Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T3: Ngày 02/7/2024 bà Trần Thị T3 có nộp đơn yêu cầu khởi kiện độc lập đến Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu bà Ngô Thanh H1 phải trả cho vợ chồng bà Thanh số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Ngày 29/8/2024 bà Trần Thị T3 nộp đơn xin rút đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2024.

Xét thấy, việc sửa đổi, bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tự nguyện, phù hợp với quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là buộc bà Ngô Thanh H1 phải trả cho vợ chồng bà Trần Thị T3 và Trương Văn N số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

[2.4] Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thanh H1 không yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải hoàn trả chi phí tố tụng.

[3]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí trên số tiền được hưởng căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trường hợp của ông Trần Văn T, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1961 là thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng ông Tư và bà Hoa vắng mặt các buổi làm việc cũng như tại phiên toà và không làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật theo Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết 326 này. Do đó Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 68; Điều 91, Điều 95, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 47, Điều 52, Điều 59, Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 615, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 650, Điều 658, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 33, Điều 66 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thanh H1.

- Xác định tài sản chung của bà Ngô Thanh H1 và ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S gồm:

+ Bất động sản tại địa chỉ: 57/14 Bông Sao, Phường 5, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH05421 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 29/9/2017 đối với thửa số: 91; Tờ bản đồ số 38 có diện tích 28,3m² có giá trị là 871.640.000 đồng (Tám trăm bảy mươi một triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

+ Bất động sản tại địa chỉ: 57/1A Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sổ vào sổ cấp GCN:CH05717 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 13/8/2018 đối với thửa đất số 63; Tờ bản đồ số 39, diện tích 13m² có giá trị là 476.684.274 đồng (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4-4; Địa chỉ: Phường 5, Thành phố Tân An, tỉnh Long An; diện tích 69.5 m², hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, đất ở tại đô thị, lâu dài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS06519 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 21/5/2019 có giá trị là 311.360.000 đồng (Ba trăm mười một triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng);

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 597, tờ bản đồ số 4; Địa chỉ: Xã A , thành phố T, tỉnh L; Diện tích: 32,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS05735 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020 có giá trị là 19.703.000 đồng (Mười chín triệu bảy trăm lẻ ba ngàn đồng).

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 1124, tờ bản đồ số 4; Địa chỉ: Xã A , thành phố T, tỉnh L; Diện tích: 154.6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS05734 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020 có giá trị là 94.306.000 đồng (Chín mươi bốn triệu ba trăm lẻ sáu ngàn đồng).

- Xác định người hưởng thừa kế gồm có: Ông Trần Văn T, sinh năm 1959; Bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1961; Bà Ngô Thanh H1, sinh năm 1986; Trẻ

Trần Ngô Minh T2, sinh năm 2007; Trẻ Trần Ngô Minh K, sinh năm 2011; Trẻ Trần Ngô Minh Q, sinh năm 2016.

- Xác định di sản thừa kế của ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S còn lại sau khi thực hiện các nghĩa vụ do người chết để lại và các chi phí hợp lý theo tập quán cho việc mai táng, chi phí chữa bệnh và các chi phí hợp lý khác phát sinh là 63.500.000 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) được chia đều cho 06 người thừa kế mỗi người được hưởng số tiền là 10.583.333 đồng (Mười triệu năm trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Bà Ngô Thanh H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ H2 mỗi người được hưởng số tiền là 10.583.333 đồng (Mười triệu năm trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Đối với trẻ Trần Ngô Minh T2, sinh ngày 23/11/2007; trẻ Trần Ngô Minh K, sinh ngày 24/10/2011; trẻ Trần Ngô Minh Q, sinh ngày 19/02/2016 mỗi người được hưởng số tiền là 10.583.333 đồng (Mười triệu năm trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Bà Ngô Thanh H1 sẽ quản lý tài sản của các trẻ Trần Ngô Minh T2, Trần Ngô Minh K và Trần Ngô Minh Q.

- Giao cho bà Ngô Thanh H1 được toàn quyền sở hữu tài sản về quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các tài sản sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS06519 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 21/5/2019; Thửa đất số 207, tờ bản đồ số 4-4; Địa chỉ: Phường 5, Thành phố Tân An, tỉnh Long An; Diện tích 69,5 m², hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, đất ở tại đô thị, lâu dài.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS05735 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020; Thửa đất số 597, tờ bản đồ số 4; Địa chỉ: Xã A, thành phố T, tỉnh L; Diện tích: 32,3m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác; Thời hạn sử dụng đến tháng 10/2063.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CS05734 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 10/6/2020; Thửa đất số 1124, tờ bản đồ số 4; Địa chỉ: Xã A, thành phố T, tỉnh L; Diện tích: 154,6m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; Thời hạn sử dụng lâu dài.

- Giao cho bà Ngô Thanh H1 được toàn quyền sở hữu đối với bất động sản:

+ Căn nhà địa chỉ số: 57/1A đường Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sổ vào sổ cấp GCN: CH05717 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 13/8/2018 đối với, Thửa đất số 63; Tờ bản đồ số 39.

+ Căn nhà địa chỉ số: 57/14 đường Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH05421 do Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp ngày 29/9/2017 đối với thửa số: 91; Tờ bản đồ số 38. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận vào ngày 16/7/2019 chuyển nhượng cho ông Trần Nguyễn Hoàng Minh S và bà Ngô Thanh H1 theo hồ sơ đăng ký biến động số: 005130.

Sau khi bà Ngô Thanh H1 thanh toán cho các đồng thừa kế trên, Bà H1 được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu bất động sản và quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thanh H1 không yêu cầu ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải hoàn trả chi phí tố tụng.

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T3 và bà Lê Thị Thu V.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thanh H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 31.363.333 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)

Bà Ngô Thanh H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 31.363.333 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 32.955.000 đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số 0028239 ngày 07/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thanh H1 được nhận lại 1.591.667 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

Bà Nguyễn Thị Lệ H2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 529.167 đồng (Năm trăm hai mươi chín ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng)

Ông Trần Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 529.167 đồng (Năm trăm hai mươi chín ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng)

Đối với trẻ Trần Ngô Minh T2, sinh ngày 23/11/2007; trẻ Trần Ngô Minh K, sinh ngày 24/10/2011; trẻ Trần Ngô Minh Q, sinh ngày 19/02/2016 thuộc trường hợp được miễn án phí.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T3 số tiền tạm ứng án phí là 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) theo biên lai số 0030081 ngày 03/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị Thu V thuộc trường hợp theo Thông báo về việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 263A/TB-TA ngày 21/6/2024.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Tiên

